

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 09-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hoàng Liên

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 19/01/2010 tại uỷ ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghi ngờ tôi có người đàn ông khác từ đó dẫn đến anh C thường xuyên chửi bới tôi, tôi đã giải thích rất nhiều nhưng anh C không nghe từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, tôi không chịu đựng được đã về nhà ngoại sinh sống từ tháng 12/2020 cho đến nay. Từ khi tôi về nhà ngoại cho đến nay anh C không một lần xuống bảo tôi

về vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện nay chúng tôi không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Việt H sinh ngày 26/09/2010. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh C. Khi ly hôn anh C nhận nuôi cháu H và yêu cầu tôi cấp dưỡng 1.000.000đồng một tháng. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 19/01/2010 tại uỷ ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 08/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Chị H xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Việt H sinh ngày 26/09/2010. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu H và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu 1.000.000đồng một tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao Nguyễn Việt H sinh ngày 26/09/2010 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng một tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 19 tháng 01 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh C cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, không hợp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau từ tháng 08/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh C hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Chị H xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Nguyễn Việt H sinh ngày 26/09/2010. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh C. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Việt H cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng. Anh C nhận nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng một tháng, chị H đồng ý. Yêu cầu anh C phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Việt H sinh ngày 26/09/2010 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000đồng (một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003056 ngày 15 tháng 07 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị H phải nộp thêm 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã X
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng